

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML02012: LUẬT MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL LAW)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2 – Thực hành 0 - Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Pháp luật
 - Khoa: Lý luận chính trị và xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không có
- Học phần tiên quyết ML01009: Pháp luật Đại cương
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về Pháp luật môi trường của Việt Nam và các văn bản pháp lý quốc tế về môi trường để nhận diện, đánh giá, phân tích và đưa ra phương hướng giải quyết đối với những vấn đề liên quan tới môi trường phát sinh trên thực tiễn.
- Kỹ năng: Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tư vấn pháp luật và tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đối với các vấn đề liên quan đến môi trường trong thực tiễn.
- Thái độ: Chủ động học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan đến lĩnh vực pháp luật môi trường; tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật môi trường.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CĐR 1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	CĐR 2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR 3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR 4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR 7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR 8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR 11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR 12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT												
		C Đ R1	CĐ R2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR5	CĐR6	CĐR 7	CĐR8	CĐR 9	CĐR1 0	CĐR1 1	CĐR1 2	
ML 020 12	Luật Môi trường	I		P			I	I					I	P

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần	CĐR của CTĐT
---------	---------------------	--------------

	Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	
Kiến thức		
K1	Áp dụng được các kiến thức pháp lý cơ bản của pháp luật môi trường vào ngành Khoa học môi trường	CĐR 1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K2	Vận dụng được quy định của pháp luật môi trường để nhận diện, đánh giá, phân tích các vấn đề thực tiễn phát sinh.	CĐR 3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K3	Đề xuất phương án giải quyết đối với những vấn đề thực tiễn phát sinh trên cơ sở quy định của pháp luật môi trường (trên cả phương diện nội dung và thủ tục pháp lý).	CĐR 3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
Kỹ năng		
K4	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn pháp luật, tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đối với các vụ việc về môi trường phát sinh trên thực tiễn	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
K5	Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm khi giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật môi trường trên thực tiễn	CĐR 7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Thể hiện thái độ chủ động học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan đến lĩnh vực pháp luật môi trường	CĐR 11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K7	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật môi trường	CĐR 12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

ML2012. Luật Môi trường (2 TC:0-2-6) Tổng quan về Luật Môi trường; Các công cụ pháp lý kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong một số lĩnh vực cụ thể; Pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Giải quyết tranh chấp môi trường; Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp
- Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông ((giảng dạy trực tuyến theo yêu cầu của Học viện)

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng
- Nghiên cứu tài liệu
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận
- Học trực tuyến theo yêu cầu của Học viện

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đi học đầy đủ, không nghỉ quá số tiết theo quy định của Học viện.
- Chuẩn bị cho bài giảng và tự học: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo về nội dung sẽ giảng dạy lý thuyết trước khi đến lớp học và tự học, tự nghiên cứu ở nhà theo nội dung giảng viên yêu cầu sau khi kết thúc mỗi chương.
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thuyết trình theo nhóm (6 nhóm, 6 chủ điểm). Điểm thuyết trình và thảo luận được tính làm điểm giữa kỳ của học phần.
- Thi cuối kì: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

VI. Đánh giá và cho điểm

1. **Thang điểm:** 10/10, theo quy định dạy và học của Học viện.

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số:

- Rubric 1 - Đánh giá tham dự lớp: 10%
- Rubric 2 - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 30%
- Rubric 3 – Thi cuối kỳ: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMD của HP	Rubric 1 – Đánh giá tham dự lớp (10%)	Rubric 2 – Thuyết trình và thảo luận nhóm (30%)	Rubric 3 – Thi cuối kỳ (60%)
K1		x	x
K2		x	x
K3		x	x
K4		x	
K5		x	
K6	x	x	
K7	x	x	

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1. Áp dụng được các khái niệm pháp lý cơ bản trong lĩnh vực môi trường vào ngành khoa học môi trường
K1	Chỉ báo 2. Áp dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về vai trò, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường vào ngành khoa học môi trường
K1	Chỉ báo 3. Áp dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về Luật môi trường quốc tế vào ngành Khoa học môi trường
K2	Chỉ báo 4. Vận dụng quy định của pháp luật môi trường để nhận diện, phân tích, đánh giá các hành vi tác động đến môi trường, chỉ rõ ranh giới của hành vi với vi phạm hành chính và tội phạm môi trường
K2	Chỉ báo 5. Vận dụng quy định của pháp luật môi trường để nhận định, phân tích, đánh giá tranh chấp môi trường phát sinh trên thực tiễn
K3	Chỉ báo 6. Vận dụng quy định của pháp luật môi trường để đề xuất phương án giải quyết đối với các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình thực hành nghề nghiệp ngành Khoa học môi trường.

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	80	Nghỉ ≤ 1 tiết	Nghỉ 2 đến 3 tiết	Nghỉ 4 đến 5 tiết	Nghỉ 6 đến 7 tiết

Rubric 2. Thuyết trình và thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 (A)	Khá 6.5 - 8.4 (C+,B, B+)	Trung bình 4– 6.4 (D,D+,C)	Kém 0 -3.9 (F)
Nội dung	20	Đầy đủ các mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu 01 mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu 2 mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu ≥ 3 nội dung theo yêu cầu của giảng viên

	20	Chính xác, khoa học	Có 1 mục thiếu chính xác	Có 2 mục thiếu chính xác	Có 3 mục thiếu chính xác
Hình thức	5	Đúng hoặc vượt không quá 5 slide theo quy định	Vượt 5 → 7 slide theo quy định	Vượt 7 → 10 slide theo quy định	Vượt > 10 slide theo quy định
	5	-Trích dẫn nguồn số liệu chính xác; -Hình ảnh minh họa có liên quan	-Trích dẫn nguồn số liệu thiếu chính xác ≤ 2 lần; -Hình ảnh minh họa có liên quan	-Trích dẫn nguồn số liệu thiếu chính xác ≤ 2 lần; -Hình ảnh minh họa ít liên quan	-Trích dẫn nguồn số liệu thiếu chính xác > 2 lần; -Hình ảnh minh họa không liên quan
Quản lý thời gian	5	Nộp bài đúng hạn hoặc chậm 1 ngày có lý do được giảng viên chấp nhận	Nộp chậm 1 ngày không có lý do	Nộp chậm 2 ngày không có lý do	Nộp chậm > 2 ngày không có lý do
	5	Trình bày báo cáo theo đúng thời gian quy định của giảng viên	Trình bày vượt quá thời gian quy định từ 5 → 10 phút	Trình bày vượt quá thời gian quy định từ > 10 → 15 phút	Trình bày vượt quá thời gian quy định > 15 phút
Tương tác	5	Được 85 → 100% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 65 → 84% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 40 → 64% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 0 → 39% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”
	5	-Đại diện nhóm thuyết trình to rõ ràng; -Tương tác tốt với người nghe	-Đại diện nhóm thuyết trình to rõ ràng; -Thiếu tương tác với người nghe	-Đại diện nhóm thuyết trình nhỏ, không rõ ràng; -Thiếu tương tác với người nghe	- Đại diện nhóm thuyết trình nhỏ, không rõ ràng; -Không tương tác với người nghe
	20	Trả lời đúng từ 85 → 100% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 65 → 84% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 40 → 64% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 0 → 39% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.
	10	Có nhận xét và đặt ≥ 02 câu hỏi chính xác với bài thuyết trình của nhóm khác	Có nhận xét và đặt 01 câu hỏi chính xác với bài thuyết trình của	Chỉ có nhận xét không đặt được câu hỏi/ hoặc câu hỏi không chính	Không có nhận xét và câu hỏi với bài thuyết

			nhóm khác	xác với bài thuyết trình của nhóm khác	trình của nhóm khác.
--	--	--	-----------	--	----------------------

Nội dung thuyết trình và thảo luận nhóm

Nội dung thuyết trình và thảo luận nhóm	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Tội phạm môi trường	- Thực trạng và giải pháp nhằm xử lý tội phạm môi trường giai đoạn hiện nay	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường	- Thực trạng và giải pháp nhằm xử lý vi phạm hành chính về môi trường giai đoạn hiện nay	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7
Pháp luật về bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm của Việt Nam;	Thực trạng bảo vệ loài nguy cấp quý hiếm ở VN hiện nay và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ loài nguy cấp quý hiếm của Việt Nam	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7
Pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng đất.	Thực trạng bảo vệ môi trường đất của Việt Nam và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng đất	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7
Công ước Vienna	Thực thi Công ước Vienna tại Việt Nam	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7
Công ước đa dạng sinh học tại Việt Nam	Thực thi Công ước Đa dạng sinh học tại Việt Nam	K1,K2, K3,K4,K5, K6, K7

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự thuyết trình và thảo luận: Không tham gia bài thuyết trình và thảo luận nhóm giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi.

Tham dự thi cuối kỳ: Theo quy định của Học viện

Yêucầuvềđạođức, tinh thần, thái độ học tập: Tôn trọng giảng viên và các thành viên trong lớp, chuẩn bị tài liệu và đọc trước kiến thức trước khi lên lớp, tự nghiên cứu theo nội dung giảng viên quy định sau khi kết thúc học lý thuyết.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Văn bản quy phạm pháp luật:**

1. Quốc hội (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.
2. Quốc hội (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.
3. Quốc hội (2015). Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2015.
4. Quốc hội (2014). Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014.
5. Quốc hội (2012). Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012.
6. Quốc hội (2017). Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017.
7. Quốc hội (2013). Luật Đất đai số 45/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013.
8. Quốc hội (2010). Luật Khoáng sản 60/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010.
9. Quốc hội (2008). Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008.
10. Quốc hội (2009). Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 12 năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

*** Bài giảng:**

1. Trịnh Thị Ngọc Anh (Chủ biên) (2012), Bài giảng Luật môi trường, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội.

*** Các tài liệu tham khảo khác:**

1. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2015), Trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về môi trường theo Pháp luật Việt Nam và bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 3 (276), 2015;
2. Nguyễn Thị Minh Hạnh, Đỗ Thị Kim Hương (2015), Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường đất nông nghiệp ở Việt Nam, Tạp chí Môi trường, Số 3, 2015.
3. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2015), Quyền khởi kiện lợi ích công về môi trường theo Pháp luật Việt Nam và bài học kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, Tạp chí Môi trường, Số 4, 2015.
4. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2015), Mô hình thỏa thuận kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, Tạp chí Khoa học Công nghệ Môi trường Công an, Số tháng 9, 2015.

5. Nguyễn Thị Minh Hạnh, Lê Thị Yên, Đỗ Thị Kim Hương (2016), Tri thức truyền thống về nguồn gen với quyền sở hữu trí tuệ: Pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới, Tạp chí Hậu Cần-Kỹ thuật, số tháng 12, 2016.
6. Nguyen Thi Minh Hanh (2018), “Patent protection over traditional knowledge associated with genetic resources in Vietnam: the case of traditional medical knowledge”, Journal of Human and Socio-Environmental Studies, No. 35, March, 2018 (Japan).
7. Nguyen Thi Minh Hanh (2019), “Establishment of a registration system for traditional medical knowledge in Vietnam: Conventional or sui generis approach for future reform?”, Journal of Human and Socio-Environmental Studies, No. 37, March, 2019 (Japan).

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	<p>CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ LUẬT MÔI TRƯỜNG (4 TIẾT)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>1.1. Khái niệm môi trường và Luật môi trường</p> <p>1.1.1. Khái niệm môi trường</p> <p>1.1.2. Khái niệm Luật môi trường</p> <p>1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Môi trường</p> <p>1.2.1. Nguyên tắc quyền được sống trong môi trường trong lành</p> <p>1.2.2. Nguyên tắc phát triển bền vững</p> <p>1.2.3. Nguyên tắc môi trường là thể thống nhất</p> <p>1.2.4. Nguyên tắc phòng ngừa</p> <p>1.2.5. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền</p> <p>1.3. Khái quát sự phát triển của Luật môi trường ở Việt Nam</p> <p>1.3.1. Trước năm 1986</p> <p>1.3.2. Từ năm 1986 đến nay</p>	K1, K2, K3, K6, K7
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết Chương 1 - Đọc Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan 	K1, K2, K3, K6, K7
2-3-4	<p>CHƯƠNG 2. CÁC CÔNG CỤ PHÁP LÝ TRONG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG (6 tiết)</p>	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết (3 tiết): 2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường 2.1.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường 2.1.2. Khái niệm suy thoái môi trường 2.1.3. Khái niệm sự cố môi trường 2.1.4. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường 2.2. Vai trò của các chủ thể trong kiểm soát ô nhiễm môi trường 2.2.1. Nhà nước 2.2.2. Các tổ chức, cá nhân 2.3. Các công cụ pháp lý trong kiểm soát ô nhiễm môi trường\ 2.3.1. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường 2.3.2. Hệ thống quan trắc môi trường 2.3.3. Hệ thống thông tin về môi trường 2.3.4. Đối thoại, giải trình về môi trường 2.3.5. Đánh giá môi trường 2.3.6. Hệ thống công cụ tài chính 2.3.7. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm Nội dung thuyết trình và thảo luận(3 tiết): 1. Thực trạng và giải pháp xử lý tội phạm môi trường ở Việt Nam hiện nay. 2. Thực trạng và giải pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam hiện nay</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) - Ôn lại lý thuyết Chương 2 - Đọc Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các VBQPPL có liên quan - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan</p>	<p>K1, K2, K3, K6, K7</p> <p>K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7</p> <p>K1, K2, K3, K6, K7</p>
4-5-6	<p>CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết:5 tiết</p>	<p>K1, K2, K3, K6, K7</p>

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	3.1. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước 3.1.1. Nghĩa vụ cơ bản của Nhà nước 3.1.2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân 3.2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí 3.2.1. Nghĩa vụ cơ bản của Nhà nước 3.2.2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân 3.3. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với một số hoạt động ảnh hưởng đặc biệt đến môi trường 3.3.1. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động khoáng sản 3.3.2. Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) - Ôn lại lý thuyết Chương 3 - Đọc Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Khoáng sản năm 2010 và các VBQPPL có liên quan - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan	K1, K2, K3, K6, K7
6-7	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (5 tiết) A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 4.1 Pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng 4.1.1 Khái niệm và phân loại rừng; 4.1.2 Chế độ sở hữu đối với tài nguyên rừng; 4.1.3 Nội dung pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng, động, thực vật rừng hoang dã, nguy cấp, quý hiếm 4.2 Pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất 4.2.1 Khái niệm và phân loại đất 4.2.2 Chế độ sở hữu đối với tài nguyên đất; nội dung pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất 4.3 Pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học 4.3.1 Khái niệm đa dạng sinh học 4.3.2 Nội dung pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học Nội dung thuyết trình và thảo luận (3 tiết): - Pháp luật về bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm của Việt Nam; - Pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng đất.	K1, K2, K3, K6, K7 K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết Chương 4 - Đọc Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 và các VBQPPL có liên quan - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan 	K1, K2, K3, K6, K7
8-9	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ MÔI TRƯỜNG (4 tiết)</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung trên lớp (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết)</p> <p>5.1 Khái niệm, nội dung và chủ thể của tranh chấp môi trường</p> <p>5.1.1. Khái niệm tranh chấp môi trường</p> <p>5.1.2. Nội dung tranh chấp môi trường</p> <p>5.1.3. Chủ thể của tranh chấp môi trường</p> <p>5.2. Đặc điểm của tranh chấp môi trường</p> <p>5.2.1. Lợi ích công và lợi ích tư gắn liền với nhau</p> <p>5.2.2. Thường xảy ra trên quy mô lớn</p> <p>5.2.3. Các bên không cân bằng về vị thế</p> <p>5.2.4. Có thể phát sinh khi chưa có thiệt hại xảy ra</p> <p>5.2.5. Thiệt hại thường khó xác định</p> <p>5.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường</p> <p>5.3.1 Thương lượng</p> <p>5.3.2 Hòa giải</p> <p>5.3.3 Tòa án</p> <p>5.3.4 Trọng tài</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết Chương 5 - Đọc Luật Bảo vệ môi trường năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các VBQPPL có liên quan - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan 	K1, K2, K3, K6, K7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	CHƯƠNG 6. LUẬT QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (6 TIẾT)	
9- 10	<p>A/ Tóm tắt các nội dung trên lớp (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết (3 tiết):</p> <p>6.1. Khái niệm luật quốc tế và luật môi trường quốc tế</p> <p>6.1.1. Khái niệm luật quốc tế</p> <p>6.1.2. Khái niệm luật môi trường quốc tế</p> <p>6.2. Chủ thể của luật môi trường quốc tế</p> <p>6.2.1. Quốc gia</p> <p>6.2.2. Các tổ chức quốc tế liên chính phủ</p> <p>6.2.3. Các tổ chức quốc tế phi chính phủ về môi trường</p> <p>6.3. Đàm phán các điều ước quốc tế về môi trường</p> <p>6.3.1. Lợi ích và động cơ của các chủ thể</p> <p>6.3.2. Quá trình đàm phán</p> <p>6.3.3. Các công cụ thực thi</p> <p>6.4. Một số điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường điển hình</p> <p>6.4.1. Các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường không khí;</p> <p>6.4.2. Các điều ước quốc tế về bảo vệ đa dạng sinh học;</p> <p>6.4.3. Các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường biển;</p> <p>6.4.4. Các điều ước quốc tế về kiểm soát các hoạt động hạt nhân;</p> <p>6.4.5. Các điều ước quốc tế về kiểm soát chất thải nguy hại</p>	K1, K2, K3, K6, K7
	<p>Nội dung thuyết trình, thảo luận(3 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực thi Công ước Vienna tại Việt Nam - Thực thi Công ước đa dạng sinh học tại Việt Nam 	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết Chương 6 - Nghiên cứu nội dung các điều ước quốc tế về kiểm soát các hoạt động hạt nhân và kiểm soát chất thải nguy hại, công ước Ramsar, công ước về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, công ước Vienna về bảo vệ tầng ozon - Đọc Bài giảng và các tài liệu tham khảo có liên quan 	K1, K2, K3, K6, K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phải đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.
- Các phương tiện khác: Loa, mic...
- E-learning: Đảm bảo hệ thống truy cập thuận tiện.

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

VŨ VĂN TUẤN

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ MINH HẠNH

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 318 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0942677207
Email: toilahanhhp@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: qua email và/hoặc điện thoại và/hoặc văn phòng Bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Trịnh Thị Ngọc Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 318 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0912082959
Email: ngocanhluat72@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: qua email và/hoặc điện thoại và/hoặc văn phòng Bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Kim Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 318 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0983931686
Email: dtkhuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: qua email và/hoặc điện thoại và/hoặc văn phòng Bộ môn	